

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Tân
2. Bà Tô Thị Lành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng A. Địa chỉ: 02 đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Ng – Giám đốc Ngân hàng A– Chi nhánh D. (Theo Văn bản ủy quyền số: 510/QĐ-NĐTV-PC ngày 19-6-2014). Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị S, sinh năm 1978 và anh Tạ Đức L, sinh năm 1981. Cùng trú tại địa chỉ: Thôn 6, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng đề ngày 01 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền là bà Đoàn Thị Ng trình bày:

Ngân hàng A thông qua Chi nhánh D đã ký kết với chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L Hợp đồng tín dụng số: 5016LAV201800212 ngày 30 tháng 3 năm 2018 với nội dung chính như sau:

- Số tiền cho vay: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng);

- Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống hộ gia đình (Chăn nuôi và mua sắm vật dụng gia đình).
- Thời gian vay vốn: 36 tháng, kể từ ngày 29-6-2018.
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 11%/năm; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm trên lãi chậm trả; lãi suất nợ quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ trên số tiền thực tế quá hạn.
- Phương thức trả lãi: 12 tháng 01 kỳ (có thỏa thuận thu dần hàng tháng)
- Ngày giải ngân vốn vay: Ngày 30-3-2018; ngày trả nợ cuối cùng: Ngày 30-3-2021.

Để đảm bảo cho khoản vay trên chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L đã sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 69/18/TC ngày 29-3-2018 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L tại hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên trong đó số tiền gốc là: 200.000.000đồng, tài sản gồm:

- Thửa số: 46, tờ bản đồ số: 130, tại: Làng O, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; diện tích: 1145,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 586230 do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2018.

Tài sản đã được đã được đăng ký thế chấp ngày 30-3-2018, tại: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện I.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, chị S và anh L đã vi phạm kỳ hạn trả tiền thứ nhất: Số tiền trả 50.000.000đồng đến ngày 30-3-2019 và chỉ trả được số tiền lãi là 16.394.520đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ của ngân hàng.

Hiện khoản vay này vẫn do Ngân hàng A - chi nhánh D quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L phải trả nợ gốc và lãi vay tổng số tiền tạm tính đến ngày 23-10-2019 là: 219.626.712đồng, bao gồm: Nợ gốc: 200.000.000đồng; Nợ lãi: 19.626.712đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 18.082.192đồng; Lãi quá hạn: 1.544.521đồng) và trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5016LAV201800212 ngày 30 tháng 3 năm 2018.

- Trường hợp chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Agribank yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà Bùi Thị S và ông Tạ Đức L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 69/18/TC ngày 29-3-2018 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 14-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị S trình bày:

Chị Bùi Thị S thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng A - chi nhánh D và còn nợ tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trình bày. Lý do của việc không đóng tiền lãi đúng hạn cho ngân hàng là vì việc đầu tư trồng Tiêu của vợ chồng không có kết

quả. Do đó, chị S và anh L không đóng được tiền lãi và cũng không có khả năng thanh toán số tiền vay cho ngân hàng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị S không có ý kiến nào khác, có đơn yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị S tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là anh Tạ Đức L vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Hợp đồng tín dụng được các đương sự ký kết giữa một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh với một bên là tổ chức tín dụng. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn là anh Tạ Đức L không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bị đơn là chị Bùi Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Hợp đồng tín dụng số: 5016LAV201800212 ngày 30 tháng 3 năm 2018 được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền ký kết, về nội dung và hình thức của hợp đồng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Khoản vay của khách hàng là chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L hiện tại vẫn do Ngân hàng A - chi nhánh D quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng A có quyền khởi kiện đòi nợ đối với chị S và anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị S thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng A - chi nhánh D và còn nợ tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trình bày. Bị

đơn là anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, chị S và anh L vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định chị S và anh L chưa thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng, cụ thể: Vi phạm kỳ thứ nhất: Số tiền 50.000.000đồng phải trả đến ngày 30-3-2019 được thỏa thuận trên Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số: 01/5016-LAV-201800212 ngày 30-3-2018. Do đó, theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, Agribank được quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Ngân hàng A áp dụng Lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng gồm: Lãi suất cho vay là 11%/năm; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm trên lãi chậm trả; lãi suất nợ quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ trên số tiền thực tế quá hạn. Thỏa thuận về lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa Ngân hàng A yêu cầu tính lãi suất cho vay là 11%/năm; không yêu cầu lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm trên lãi chậm trả và yêu cầu lãi suất nợ quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận kể từ ngày 01-4-2019 trên nợ gốc quá hạn là 50.000.000đồng. Việc áp dụng mức lãi suất này là phù hợp với mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng A là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do chị S và anh L đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc chị S và anh L phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 23-10-2019 là: 219.626.712đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-10-2019) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị S và anh L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 69/18/TC ngày 29-3-2018 được công chứng, chứng thực hợp pháp; tài sản đã đăng ký thế chấp phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 298, Điều 319, Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn xin xác nhận ngày 23-8-2019, của chị Bùi Thị S có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Gia lai xác định: “*Tài sản thế chấp là thửa đất số:*

46, diện tích: 1145,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 586230 do Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2018 vẫn do gia đình chị S sử dụng và không có tranh chấp”. Vì vậy, trong trường hợp chị S và anh L không trả được nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 280, Điều 298, Điều 319, khoản 1 Điều 466, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 23-10-2019 tổng cộng số tiền là: 219.626.712đ (hai trăm mười chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng); trong đó: số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 19.626.712đ (mười chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày 24-10-2019, chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị S và anh L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê

biên, bán tài sản của chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 69/18/TC ngày 29-3-2018 để thu hồi nợ đối với tài sản:

Thửa số: 46, tờ bản đồ số: 130, tại: Làng O, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; diện tích: 1145,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 586230 do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2018.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị S và anh Tạ Đức L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch số tiền là 10.981.336đ (mười triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.292.329đ (Năm triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng) theo biên lai số 0001689 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Đình Nguyên

